

QUỐC HỘI

NGHỊ QUYẾT của Quốc hội số 35/2000/ QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

*Căn cứ vào Điều 84 của Hiến pháp nước Cộng
hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992,*

QUYẾT NGHỊ:

1. Luật hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 09 tháng 6 năm 2000 được gọi là Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

2. Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tự mình hoặc phối hợp tổ chức việc rà soát các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình hiện hành để hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới, đề nghị Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới cho phù hợp với quy định của Luật này, bảo đảm hiệu lực của Luật từ ngày 01 tháng 1 năm 2001.

3. Việc áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này được thực hiện như sau:

a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 1 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

b) Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 1 năm 1987 đến ngày 01

tháng 1 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 1 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Từ sau ngày 01 tháng 1 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng:

c) Kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết này, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

4. Việc Tòa án áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình để giải quyết các vụ, việc về hôn nhân và gia đình được quy định như sau:

a) Đối với những vụ, việc mà Tòa án đã thụ lý trước ngày 01 tháng 1 năm 2001 thì áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 để giải quyết;

b) Đối với những vụ, việc mà Tòa án thụ lý từ ngày 01 tháng 1 năm 2001 thì áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết;

c) Không áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết này để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với những vụ, việc mà Tòa án đã áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 để giải quyết.

5. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình quy định chi tiết và hướng dẫn (hi hành Nghị quyết này).

Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách

nhiệm phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Luật hôn nhân và gia đình nhằm phát huy tác dụng của Luật hôn nhân và gia đình trong việc xây dựng và củng cố gia đình Việt Nam no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa X, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 09 tháng 6 năm 2000./.

Chủ tịch Quốc hội

NÔNG ĐỨC MẠNH

CHỦ TỊCH NƯỚC

LỆNH của Chủ tịch nước số 08/L-CTN ngày 22/6/2000 về việc công bố Luật.

**CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Điều 78 của Luật Tổ chức Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 50 của Luật ban hành các văn bản quy phạm pháp luật,

NAY CÔNG BỐ:

1. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;
2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật dầu khí;
3. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự;

4. Luật khoa học và công nghệ;

5. Luật hôn nhân và gia đình.

Đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa X, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 09 tháng 6 năm 2000./.

Chủ tịch
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

TRẦN ĐỨC LƯƠNG

LUẬT sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

(số 18/2000/QH10 ngày 09/6/2000).

Để mở rộng hợp tác kinh tế với nước ngoài, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế quốc dân trên cơ sở khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của đất nước

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 11 năm 1996.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam như sau:

1. Điểm 2 đoạn 2 Điều 3 được sửa đổi như sau:

"2. Địa bàn:

- a) Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;
- b) Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn."

2. Khoản 1 Điều 14 được sửa đổi như sau:

"1. Những vấn đề quan trọng nhất trong tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp liên doanh